

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ
TẠI CÔNG TY BIA HUẾ**

Chuyên ngành : Kế toán

Mã số : 60.34.30

**TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng – Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS TRƯƠNG BÁ THANH

Phản biện 1: TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYỄN

Phản biện 2: PGS.TS. LÊ ĐỨC TOÀN

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 8 tháng 1 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Thông tin về chi phí rất cần thiết cho các quyết định kinh doanh của các nhà quản trị. Biết và hiểu được chi phí sẽ giúp các nhà quản trị dễ dàng giải chi phí với chức năng là một bộ phận cung cấp thông tin chi phí trong hệ thống thông tin kế toán sẽ giúp nhà quản trị thực hiện được các mục tiêu kinh doanh.

Công ty Bia Huế là đơn vị liên doanh giữa nhà máy bia Huế với công ty bia Caslberg của Đan Mạch, trải qua gần hai mươi năm hoạt động Công ty đã đóng góp rất lớn trong tổng thu ngân sách của tỉnh nhà đồng thời giải quyết hàng trăm việc làm cho lao động trực tiếp, hàng ngàn việc làm cho lao động gián tiếp. Trong những năm tới, cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất bia ngày một khốc liệt hơn. Một trong những giải pháp được coi là có hiệu quả và thiết thực để tăng cường năng lực quyết định kinh doanh đó là nâng cao chất lượng của thông tin kế toán, đặc biệt là thông tin về chi phí.

Xuất phát từ những yêu cầu trên đồng thời góp phần vào việc hoàn thiện công tác KTQT chi phí tại Công ty Bia Huế, tác giả nhận thấy đây là một vấn đề rất cần thiết và mang tính thời sự không những cho công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty Bia Huế mà còn rất cần thiết cho ngành và các cấp quản lý tại địa phương.

2. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

2.1. Mục đích nghiên cứu.

Cùng với việc hệ thống hóa các lý luận chung về bản chất, vai trò và nội dung của kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp, luận văn phân tích, đánh giá thực trạng nội dung kế toán quản trị chi phí ở Công ty Bia Huế, từ đó xây dựng các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn

thiện kế toán KTQT chi phí tại Công ty Bia Huế.

2.2. Phạm vi nghiên cứu.

Phạm vi nghiên cứu luận văn là hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty Bia Huế.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu.

- Thực trạng KTQT chi phí của Công ty Bia Huế
- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện kế toán KTQT chi phí tại Công ty Bia Huế.

3.2 Phương pháp nghiên cứu.

- Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp
- Phương pháp thống kê, tổng hợp số liệu
- Phương pháp phỏng vấn

4. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN VĂN.

- Ý nghĩa khoa học: Luận văn góp phần hệ thống hóa vấn đề cơ bản về lý luận KTQT chi phí, thực trạng KTQT chi phí tại Công ty Bia Huế đồng thời đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác tổ chức KTQT chi phí tại đơn vị.

- Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả của luận văn góp phần giải quyết những vấn đề phát sinh cần phải giải quyết trong quản trị chi phí cả về lý luận và thực tế trong quá trình hoạt động của Công ty Bia Huế.

5. BỐ CỤC LUẬN VĂN: Luận văn được trình bày 105 trang, nội dung được kết cấu như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về KTQT chi phí trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng KTQT chi phí tại Công ty Bia Huế

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện KTQT chi phí tại Công ty Bia Huế

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Bản chất của kế toán quản trị và kế toán quản trị chi phí

1.1.1. Bản chất của kế toán quản trị

- KTQT cung cấp thông tin cho các nhà quản trị cấp cao ra quyết định kinh doanh, quyết định đầu tư và sử dụng các nguồn lực.

- KTQT cung cấp thông tin về mặt kỹ thuật để các nhà quản lý thừa hành sử dụng thực thi trách nhiệm của mình.

- KTQT được coi như là phương tiện để nhà quản lý thực hiện kiểm soát quản lý DN.

- Kế toán quản trị là một khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp những thông tin định lượng về hoạt động của đơn vị một cách cụ thể, giúp các nhà quản trị trong quá trình ra các quyết định liên quan đến việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, kiểm soát và đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động của đơn vị.

1.1.2. Bản chất của kế toán quản trị chi phí

- KTQT chi phí là một bộ phận của hệ thống kế toán quản trị nhằm cung cấp thông tin về chi phí để mỗi tổ chức thực hiện chức năng quản trị yếu tố nguồn lực tiêu dùng cho các hoạt động, nhằm xây dựng kế hoạch, kiểm soát, đánh giá hoạt động và ra các quyết định hợp lý.

- KTQT chi phí cung cấp bao gồm cả những thông tin quá khứ và thông tin có tính dự báo thông qua việc lập kế hoạch và dự toán trên cơ sở định mức chi phí.

1.2. Kế toán quản trị chi phí với chức năng quản trị chi phí doanh nghiệp: KTQT chi phí cung cấp thông tin chi phí phục vụ cho các chức năng quản lý.

- Lập kế hoạch và dự toán
- Tổ chức thực hiện
- Kiểm tra và đánh giá
- Ra quyết định

1.3. Nội dung của kế toán quản trị chi phí: Nội dung của KTQT chi phí được xác định như sau:

- + Phân loại chi phí
- + Lập dự toán chi phí SXKD
- + Xác định giá phí đơn vị sản phẩm
- + Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chi phí bộ phận theo từng trung tâm chi phí
- + Phân tích mối quan hệ CVP
- + Phân tích thông tin chi phí để lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định kinh doanh.

1.3.1. Phân loại chi phí

1.3.1.1. Phân loại theo nội dung kinh tế: Theo cách phân loại này chi phí trong kỳ kế toán của DN tồn tại dưới các yếu tố sau:

- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí công cụ dụng cụ
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

1.3.1.2. Phân loại theo công dụng kinh tế: Theo cách phân loại này toàn bộ chi phí được chia thành các yếu tố như:

- Chi phí nguyên liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp

- Chi phí sản xuất chung
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí khác

1.3.1.3. Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với các khoản mục trên BCTC

- Chi phí thời kỳ
- Chi phí sản phẩm

1.3.1.4. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động: Theo cách phân loại này, các chi phí được phân thành:

- Chi phí biến đổi
- Chi phí cố định
- Chi phí hỗn hợp

1.3.1.5. Phân loại chi phí trong kiểm tra và ra quyết định

- Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp
- Chi phí chênh lệch
- Chi phí cơ hội
- Chi phí chìm
- Chi phí kiểm soát được và chi phí không thể kiểm soát được

1.3.2. Định mức chi phí sản xuất: Định mức chi phí là chi phí dự tính để sản xuất một sản phẩm hay thực hiện một dịch vụ cho khách hàng

1.3.3. Dự toán chi phí sản xuất

a) *Khái niệm, ý nghĩa của dự toán chi phí sản xuất*

Dự toán là các kế hoạch chi tiết mô tả việc huy động và sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định

b) *Các dự toán bộ phận trong dự toán chi phí sản xuất*

- Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- Dự toán chi phí sản xuất chung
- Dự toán chi phí bán hàng
- Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.4. Phân tích biến động chi phí

1.3.4.1. Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- a) Biến động mức tiêu hao NVLTT là chênh lệch giữa thực tế và dự toán mức tiêu hao nguyên vật liệu cho khối lượng sản xuất thực tế
- b) Biến động giá nguyên vật liệu là chênh lệch giữa thực tế và dự toán giá nguyên vật liệu, tính cho khối lượng vật liệu thực tế sử dụng.

1.3.4.2. Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

- a) Biến động hiệu quả lao động là chênh lệch giữa số giờ lao động thực tế và số giờ lao động dự toán cho khối lượng sản xuất thực tế, tính theo đơn giá nhân công dự toán.
- b) Biến động giá nhân công là chênh lệch giữa thực tế và dự toán giá nhân công, tính cho số giờ lao động thực tế sử dụng.

1.3.4.3. Phân tích biến động chi phí sản xuất chung

- a) Phân tích biến động biến phí sản xuất chung: Biến động biến phí sản xuất chung là chênh lệch giữa biến phí sản xuất chung thực tế và biến phí sản xuất chung theo dự toán cho khối lượng sản xuất thực tế.
- b) Phân tích biến động định phí sản xuất chung: Biến động định phí sản xuất chung là chênh lệch giữa định phí sản xuất chung thực tế và định phí sản xuất chung theo dự toán.

1.3.4.4. Phân tích chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- a) *Đối với biến phí bán hàng và biến phí quản lý doanh nghiệp:*

Biến phí bán hàng và biến phí quản lý doanh nghiệp cũng được phân tích thành nhân tố giá và nhân tố lượng như các chi phí khác.

b) Đối với định phí bán hàng và định phí quản lý doanh nghiệp: Kỹ thuật phân tích định phí bán hàng và định phí quản lý doanh nghiệp cũng tương tự như kỹ thuật áp dụng đối với định phí SXC.

1.3.5. Phân tích thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết định

1.3.5.1. Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng - lợi nhuận

Phân tích mối quan hệ (CVP) là một công cụ hữu ích hỗ trợ cho nhà quản trị khi chọn lọc thông tin phù hợp trong quá trình ra quyết định.

Thực chất mục đích của phân tích CVP chính là phân tích cơ cấu chi phí hay nói cách khác là nhằm phân tích rủi ro từ cơ cấu chi phí này. Dựa trên những dự báo về khối lượng hoạt động, DN đưa ra cơ cấu chi phí phù hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất.

1.3.5.2. Phân tích thông tin thích hợp để ra các quyết định quản trị

a) Thông tin thích hợp và thông tin không thích hợp

Trong DN, trước khi quyết định một vấn đề nào đó nhà quản trị thường đứng trước nhiều phương án lựa chọn. Phương án chọn phải là phương án có mức lãi cao nhất. Mỗi phương án tập hợp rất nhiều thông tin, các thông tin này chia thành hai nhóm: một nhóm thích hợp cho quá trình phân tích, đánh giá để lựa chọn phương án, gọi là thông tin thích hợp; nhóm còn lại không được sử dụng để phân tích, đánh giá gọi là thông tin không thích hợp.

b) Quá trình phân tích thông tin thích: gồm 4 bước cơ bản như sau:

- Tập hợp tất cả thông tin về các khoản thu nhập và chi phí có liên

quan với các phương án được xem xét.

- Loại bỏ khoản chi phí chìm.

-Loại bỏ khoản thu nhập và chi phí giống nhau ở các phương án đang xem xét.

- Những thông tin còn lại sau khi thực hiện bước 2 và bước 3 là những thông tin thích hợp cho việc xem xét, lựa chọn phương án tối ưu.

1.3.6. Tổ chức mô hình kế toán phục vụ cho KTQT chi phí: Có ba kiểu tổ chức mô hình KTQT

- Mô hình kết hợp

- Mô hình tách biệt

- Mô hình hỗn hợp

Việc lựa chọn mô hình tổ chức KTQT nào để vận dụng tùy thuộc vào thực tiễn và đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị. Mặt khác việc vận hành các mô hình này các DN cần cân nhắc về chi phí và lợi ích của việc vận hành từng mô hình tổ chức đó.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 của luận văn dành phần lớn nội dung đi sâu phân tích bản chất của KTQT và KTQT chi phí, vai trò của KTQT chi phí trong DN. Đặc biệt phân tích nội dung của KTQT chi phí: tìm hiểu các cách phân loại chi phí, lập dự toán chi phí, phân tích tình hình thực hiện chi phí bộ phận theo từng trung tâm chi phí, phân tích CVP, phân tích thông tin thích hợp ra quyết định quản trị, tổ chức mô hình kế toán phục vụ cho KTQT chi phí.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY BIA HUẾ

2.1. Tổng quan về Công ty Bia Huế

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Bia Huế

Ngày 20/10/1990, Nhà máy Bia Huế được thành lập theo Quyết định số 402 từ các đơn vị quốc doanh và ngoài quốc doanh trong tỉnh và vay vốn ngân hàng. Số vốn đầu tư ban đầu của Nhà máy là 2,4 triệu USD.

Ngay sau khi được thành lập, sản phẩm đầu tiên của Nhà máy là Bia Huda được sản xuất theo công nghệ tiên tiến nhất đã nhanh chóng có mặt trên thị trường, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng trong cả nước.

Năm 1994, Nhà máy tiến hành liên doanh với hãng bia Tuborg International (TIAS) và quỹ công nghiệp Đan Mạch với tỷ lệ góp vốn Việt Nam 50%, Đan Mạch 50%.

Chất lượng sản phẩm luôn đảm bảo, giá thành hợp lý, được khách hàng ưa chuộng. Không chỉ tập trung vào việc chiếm lĩnh thị trường trong nước, công tác xuất khẩu cũng được Công ty quan tâm ngay từ những năm đầu tiên thành lập.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty Bia Huế

a. *Chức năng*: Sản xuất và tiêu thụ mặt hàng bia tại thị trường trong nước và ngoài nước.

b. *Nhiệm vụ*:

- Sản xuất bia có chất lượng tốt và phù hợp với yêu cầu của xã hội.
- Không ngừng nghiên cứu, nâng cao chất lượng và công suất.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

- Thực hiện tốt công tác quản lý lao động.

2.1.3. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty TNHH Bia Huế là đơn vị hoạt động SXKD mặt hàng bia là chính. Việc sản xuất dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng các qui trình công nghệ cũng như các tiêu chuẩn của Việt Nam -Thế giới.

2.1.4. Đặc điểm sản phẩm, thị trường

2.1.4.1. Đặc điểm sản phẩm

Hiện nay, công ty Bia Huế đang tiến hành sản xuất và tiêu thụ trên thị trường trong nước và ngoài nước khá nhiều chủng loại sản phẩm bia khác nhau

2.1.4.2. Đặc điểm thị trường

Hiện nay thị trường tiêu thụ sản phẩm của công ty TNHH Bia Huế chủ yếu tập trung ở khu vực Miền Trung, ngoài ra thị trường tiêu thụ của công ty còn phân bố trên nhiều Tỉnh thành trong nước cũng như nước ngoài.

2.1.5. Tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty Bia Huế

2.1.5.1. Hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Công ty Bia Huế

Hình thức tiêu thụ chủ yếu của Công ty là thông qua hệ thống các đại lý bán lẻ. Điều này đảm bảo được nguồn thu nhập ổn định cho các đại lý và giá bán của Công ty sẽ ổn định hơn.

2.1.5.2. Các loại kênh phân phối sản phẩm của Công ty Bia Huế

Trong những năm qua, với kênh phân phối sản phẩm gián tiếp thông qua các đại lý của mình, Công ty đã hoạt động khá hiệu quả. Hiện nay, công ty đã xuất khẩu sang các thị trường : Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Canada, Tây Ban Nha, Lào, Malaysia, Indonesia, Australia.

2.1.6. Đặc điểm quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất bia của Công ty:

Quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất bia của Công ty được chuyển giao từ một công ty bia của Đan Mạch, ngoài ra còn có một số phụ kiện nhập từ các quốc gia khác, quy trình công nghệ sản xuất bia của Công ty được đánh giá là đạt tiêu chuẩn quốc tế. Toàn bộ quy trình gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn nấu, giai đoạn lên men, giai đoạn chiết bia.

2.1.7. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty: Nhà máy tổ chức bộ máy theo mô hình trực tuyến chức năng.

2.1.8. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

2.1.8.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty: Công ty TNHH Bia Huế lựa chọn mô hình kế toán tập trung. Bộ máy kế toán gồm 14 người đặt dưới sự lãnh đạo của Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng của Công ty.

2.1.8.2. Hình thức kế toán áp dụng

❖ Công ty TNHH Bia Huế áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, theo hình thức chứng từ ghi sổ và các sổ sách biểu mẫu theo quy định của bộ tài chính đã ban hành kết hợp với yêu cầu quản lý của tập đoàn Carlsberg.

2.1.8.3. Chế độ kế toán áp dụng

◆ Chế độ kế toán: áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

◆ Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01/N kết thúc ngày 31/12/N.

◆ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: VND.

◆ Hình thức kế toán áp dụng: hình thức kế toán trên máy vi tính.
◆ Hệ thống tài khoản kế toán: công ty áp dụng hệ thống tài khoản được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính.

◆ Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng (VNĐ).

◆ Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo giá gốc

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ: phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

2.2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty

2.2.1. Phân loại chi phí tại Công ty:

Theo công dụng kinh tế, chi phí được chia thành:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : chi phí mua nước, gạo, malt, hoa hoplon ... và các hương liệu chế biến khác

- Chi phí nhân công trực tiếp : tiền lương và các khoản trích theo lương, các phụ cấp của nhân viên trực tiếp sản xuất

- Chi phí sản xuất chung : tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng chế biến, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài ... phục vụ cho việc sản xuất, chế biến.

- Chi phí bán hàng : chi phí về bao bì, nhãn mác, công cụ dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo trên đài, báo chí, hội chợ...

- Chi phí QLDN : tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý công ty, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí văn phòng phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, các khoản chi phí bằng tiền khác dùng cho quản lý

- Chi phí khác : bao gồm các khoản chi phí bằng tiền khác ...

Theo nội dung kinh tế, chi phí được phân loại như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu (chi phí mua nước, gạo, malt, hoa hoplon....)

- Chi phí nhân công (tiền lương và các khoản trích theo lương, các phụ cấp

- Chi phí công cụ dụng cụ (bao bì, nhãn mác...)

- Chi phí khấu hao TSCĐ (xe cộ, MMTB, nhà xưởng...)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài (mua bảo hiểm...)

- Chi phí bằng tiền khác...

2.2.2. Công tác lập dự toán chi phí sản xuất

2.2.2.1. Dự toán chi phí nguyên vật liệu:

Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được xác định căn cứ trên sản lượng cần sản xuất, giá mua và định mức tiêu hao khi sản xuất ra một đơn vị thành phẩm.

2.2.2.2. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp:

Nhu cầu nhân công trực tiếp được tính toán dựa trên tổng số lượng sản phẩm cần sản xuất ra trong kỳ và định mức thời gian lao động trực tiếp cần thiết cho một đơn vị sản phẩm

2.2.2.3. Dự toán chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung được lập dự toán theo định phí và biến phí sản xuất chung, dựa trên đơn giá phân bổ và tiêu thức được lựa chọn phân bổ. Đối với công ty Bia Huế chi phí sản xuất chung được phân

bổ theo chi phí định mức cho từng loại sản phẩm bia theo sản lượng sản xuất ra.

2.2.2.4. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Dự toán chi phí lưu thông và chi phí quản lý có thể được lập từ nhiều bảng dự toán của những người có trách nhiệm trong các khâu bán hàng và quản lý lập ra.

2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty

2.2.3.1. Đặc điểm chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của công ty TNHH Bia Huế được quản lý theo chi phí định mức. Ví dụ: Công ty đưa ra định mức chi phí NVL cho 1HL bia (1HL=100 lít).

Căn cứ vào định mức sử dụng và thành phẩm nhập kho trong kỳ kế toán tổng hợp tiến hành tính giá thành sản phẩm định mức cho các thành phẩm bia nhập kho.

2.2.3.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

Đối tượng tập hợp CPSX là toàn bộ quy trình sản xuất.

Tại Công ty TNHH Bia Huế, do đặc thù của phần mềm kế toán và nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm nên CPNVLTT được tập hợp vào TK 154, CPNCTT tập hợp vào TK 622, CPSXC tập hợp thẳng vào TK 632.

Quá trình tập hợp CPSX được thể hiện trên các sổ chi tiết TK 154, 622, 632 theo chi phí định mức.

Tại công ty Bia Huế số lượng Bia Huda lon 24 thành phẩm dùng trong kế hoạch sản xuất là tính theo đơn vị thùng nhưng dùng để tính giá thành sản phẩm là được quy đổi theo đơn vị Hectolit (HL).

2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất tại Công ty

2.2.4.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

a. Nội dung chi phí NVLTT

Nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất sản phẩm bia Huda lon 24 là gạo, malt (đại mạch), nước, đất lọc trắng, đất lọc đỏ, H₃PO₄, hoa Houblon (hoa tạo hương bia).

b. Tài khoản kế toán sử dụng: Tại Công ty Bia Huế, chi phí NVL không đưa vào TK 621 mà chuyển vào TK 154.

2.2.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

a. Nội dung chi phí NCTT

Chi phí nhân công trực tiếp của công ty bao gồm các khoản lương và phụ cấp phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất, công nhân thuê ngoài, và các khoản trích theo lương. Công ty thực hiện hình thức trả lương theo thời gian.

b. Tài khoản kế toán sử dụng: TK 622, 334, 338...

2.2.4.3. Kế toán chi phí SXC

a. Nội dung chi phí SXC

Là toàn bộ chi phí phát sinh tại phân xưởng như: chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí khấu hao nhà xưởng, chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài bằng tiền khác...

b. Tài khoản kế toán sử dụng: TK 334, 111, 142, 153, 338, 632.

2.2.5. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty

2.2.5.1. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang ở công ty:

Giá trị SPDD không phân bổ vào giá thành sản phẩm nên cuối kỳ không đánh giá sản phẩm dở dang.

2.2.5.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

- Đối tượng tính giá thành sản phẩm: bia thành phẩm.

- Kỳ tính giá thành: Tính giá thành sản phẩm theo tháng.

- Sau khi tiến hành phân bổ chi phí sản xuất thì giá thành của sản phẩm hoàn thành là tổng tất các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ theo từng đối tượng sản phẩm.

2.2.6. Đánh giá thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty

2.2.6.1. Về phân loại chi phí

Do hạn chế về nhu cầu thông tin chi phí nên công ty TNHH Bia Huế chưa quan tâm đến việc xem xét nguồn gốc hình thành chi phí. Công ty chưa quan tâm tới các cách phân loại chi phí khác, chẳng hạn như phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí và các phân loại khác phục vụ mục đích sử dụng thông tin của nhà quản trị.

Công ty chưa vận dụng tiêu thức phân loại chi phí thành biến phí và định phí để phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận từ đó chưa tăng cường công tác kiểm soát chi phí và phân tích thông tin chi phí để đưa ra quyết định quản trị DN.

2.2.6.2. Về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

a. Ưu điểm:

- Tổ chức chứng từ, luân chuyển chứng từ: Tại công ty, các chứng từ sử dụng đảm bảo tính hợp lý và hợp lệ theo quy định của nhà nước. Hệ thống chứng từ sử dụng đơn giản, gọn nhẹ.

- Tổ chức tài khoản, sổ sách: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15: QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và kết hợp với những quy ước của tập đoàn

Carsbersg, phù hợp với phần mềm kế toán và đáp ứng nhu cầu quản lý nhanh chóng, kịp thời.

- Tổ chức báo cáo: Đáp ứng nhu cầu thông tin quản lý, tăng khả năng cạnh tranh và mang lại hiệu quả cho DN.

- Phương pháp hạch toán: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được thực hiện bởi Kế toán tổng hợp kiêm Phó giám đốc tài chính và có sự hỗ trợ của phần mềm kế toán NAVISON.

b.Nhược điểm:

- Tổ chức tài khoản: Tại công ty, CPNVLTT hạch toán vào TK 154, CPSXC hạch toán vào TK 632 nên chưa đảm bảo đúng theo quyết định số 15 mà công ty đang áp dụng.

Hệ thống tài khoản trên phần mềm máy tính cũng chưa bổ sung và thay đổi số hiệu của một số tài khoản theo thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính. Ví dụ như TK “phúc lợi xã hội” công ty vẫn còn sử dụng TK 431; chưa có TK 3389 “bảo hiểm thất nghiệp” trên phần mềm kế toán.

Sử dụng nhiều tài khoản 632100, 632390 dễ gây ra sự nhầm lẫn cho người sử dụng thông tin.

- Phương pháp hạch toán:

Về đối tượng tập hợp chi phí, công ty tập hợp chi phí sản xuất cho từng giai đoạn của quy trình công nghệ sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm theo chi phí định mức. Đến cuối kỳ mới xác định chi phí thực tế so với định mức để tính giá thành nên công việc dồn về cuối tháng nhiều.

Công tác hạch toán chi phí sản xuất chung, công ty đang hạch toán chi phí mua ngoài phục vụ sản xuất như điện, nước... theo thời điểm thanh toán, điều này ảnh hưởng đến việc tính giá thành của công ty vào

cuối tháng.

Chi phí nhân công trực tiếp thì lương và các khoản trích theo lương chưa được phản ánh đúng bản chất, tại các khoản trích theo lương thì khoản kinh phí công đoàn theo quy định tính vào chi phí 2% theo lương nhưng tại công ty chỉ trích 1% theo lương.

2.2.6.3. Về lập dự toán

Công ty đã xây dựng được hệ thống định mức chi phí làm cơ sở cho các dự toán chi phí. Tuy nhiên vẫn đề về phương pháp lập kế hoạch ít khoa học. Công ty cũng chưa lập dự toán chi phí linh hoạt để có thể dự báo mức chi phí ở các mức độ hoạt động khác nhau giúp nhà quản trị linh hoạt trong việc đưa ra quyết định kinh doanh.

2.2.6.4. Về kiểm soát chi phí

Công ty Bia Huế đã xây dựng được định mức tiêu hao vật tư cho từng đơn vị sản phẩm. Ngoài ra, Công ty Bia Huế đã thực hiện tốt giải pháp: kiểm soát chặt chẽ kế hoạch sản xuất tuần, kế hoạch bao bì chai kết và hiệu suất dây chuyền sản xuất từng ca, máy. Kiểm soát kế hoạch chất lượng bảo trì. Kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí. Tăng cường công tác thu hồi công nợ.

Tuy nhiên, với công ty Bia Huế về lập dự toán và kiểm soát chi phí vẫn còn là vấn đề mới. Ở một mức độ nhất định của công ty đã vận dụng một số nội dung trong công tác lập dự toán, tính toán và kiểm soát chi phí nhưng chưa khai thác và phát huy hết ưu thế của loại công cụ quản lý kế hoạch sau này.

2.2.6.5. Về tổ chức thu thập và phân tích thông tin

Công ty chủ yếu thu thập thông tin quá khứ và hiện tại chưa xây dựng hệ thống thu nhận thông tin tương lai

2.2.6.6. Về phân tích chi phí để ra quyết định kinh doanh

Hệ thống kế toán quản trị chi phí hiện nay tại Công ty mới chỉ đáp ứng được yêu cầu thông tin để lập các báo cáo tài chính, mà xét trên góc độ quản trị doanh nghiệp, tác dụng lớn nhất của thông tin trên các báo cáo tài chính đối với nội bộ doanh nghiệp là giúp cho các nhà quản trị đánh giá về cấu trúc tài chính và triển vọng tài chính của doanh nghiệp.

2.2.6.7. Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại Công ty hiện nay được xây dựng mô hình kế toán theo hình thức tập trung, chưa có bộ phận KTQT riêng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Ở chương này, luận văn trình bày tổng quan về Công ty Bia Huế, tìm hiểu về đặc điểm tổ chức sản xuất và tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán của Công ty. Đặc biệt, luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng KTQT chi phí tại Công ty.

Trên cơ sở đó khẳng định được vai trò và vị trí của KTQT chi phí trong quá trình quản trị DN. Đồng thời đề xuất những giải pháp hoàn thiện công tác KTQT chi phí tại Công ty Bia Huế.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY BIA HUẾ

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty

Hoàn thiện tổ chức KTQT chi phí là giải pháp giúp Công ty Bia Huế đánh giá tốt hơn hiệu quả kinh tế và chiến lược kinh doanh trung và dài hạn.

Một hệ thống thông tin KTQT chi phí thích hợp vừa phục vụ công

tác quản lý Nhà nước, vừa là công cụ đắc lực cho công tác KTQT chi phí tại Công ty nhằm giải quyết bài toán tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm

Chính vì vậy, việc hoàn thiện KTQT chi phí tại Công ty Bia Huế đã trở thành vấn đề rất được quan tâm hiện nay do những ảnh hưởng to lớn của nó đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2. Những yêu cầu của KTQT chi phí đối với hệ thống thông tin KTQT trong hoạt động SXKD của Công ty Bia Huế

- Thông tin KTQT chi phí cần đáp ứng yêu cầu của lập kế hoạch và dự toán.

- Thông tin KTQT chi phí cung cấp phải đáp ứng yêu cầu công tác tổ chức thực hiện.

- Thông tin KTQT chi phí cần đáp ứng yêu cầu kiểm tra đánh giá.

- Thông tin KTQT chi phí phải đáp ứng yêu cầu ra quyết định.

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty

3.3.1. Hoàn thiện công tác phân loại chi phí tại Công ty

Chi phí SXKD của Công ty nên được chia thành biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp. Việc phân loại chi phí theo cách ứng xử có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thiết kế, xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ CVP.

Chi phí SXKD ở Công ty Bia Huế được phân loại và chia làm 3 nhóm: chi phí liên quan đến lao động, chi phí liên quan đến tài sản và nhóm chi phí khác. Theo cách phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí, chi phí trong Công ty phải được phân loại thành biến phí và định phí.

3.3.2. Hoàn thiện mô hình KTQT chi phí:

KTQT chi phí cần được tổ chức thành 3 bộ phận như sau:

- Bộ phận dự toán
- Bộ phận phân tích đánh giá
- Bộ phận nghiên cứu dự toán, tư vấn

3.3.3. Hoàn thiện công tác lập dự toán chi phí sản xuất

Lập dự toán KTQT chi phí nên lập dự toán theo niên độ và phù hợp với năm tài chính của công ty.

Công tác lập dự toán chi phí tại Công ty Bia Huế cần hoàn thiện về quy trình, nội dung đảm bảo tính thống nhất trong dự toán tổng thể của toàn DN

- Lập dự toán chi phí linh hoạt
- Xác định biến phí đơn vị dự toán
- Quản lý việc lập dự toán

3.3.4. Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất

Kiểm soát chi phí: báo cáo KTQT chi phí sử dụng trong Công ty Bia Huế cần được tổ chức theo hướng lập các báo cáo theo chức năng quản lý .

Đối với chi phí nguyên vật liệu cần xây dựng quy trình kiểm soát từ khâu thu mua đến xuất dùng, tránh thất thoát lãng phí khi sử dụng.

Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để kiểm soát chi phí NVL, bộ phận phân xưởng cần lập báo cáo về tình hình sử dụng NVL tại phân xưởng. Đối với báo cáo về nguyên vật liệu cần bổ sung thêm Bảng phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu.

Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

Cuối năm, công ty cần tiến hành phân tích chi phí nhân công trực tiếp thực tế so với kế hoạch đặt ra ở đầu năm. Thông qua số liệu thực

tế và kế hoạch năm 2010 tại Công ty, sử dụng phương pháp phân tích thay thế liên hoàn lập bảng phân tích chi phí NCTT cung cấp thông tin để đánh giá mức tăng giảm chi phí nhân công trong mối quan hệ với doanh thu thực hiện, qua đó kiểm tra tính hợp lý của việc tuyển dụng và sử dụng lao động.

Phân tích biến động chi phí sản xuất chung

Để kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất chung, cuối năm kế toán cần tiến hành phân tích, đánh giá giữa chi phí thực tế phát sinh với kế hoạch lập đầu năm.

Phân tích biến động chi phí quản lý và chi phí bán hàng

Khi đánh giá các chi phí này phải đặt trong mối tương quan với doanh thu bán hàng. Tất cả chi phí đều thích hợp cho việc ra quyết định ngoại trừ các chi phí chìm và chi phí không chênh lệch giữa các phương án.

3.3.5. Hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Công ty nên thống nhất sử dụng hệ thống tài khoản đúng ban hành theo quyết định số 15 như sử dụng TK 621, 622, 627 vào việc hạch toán chi phí sản xuất và bổ sung kịp thời các thông tư sửa đổi bổ sung như thông tư 244.

Tài khoản kế toán tại công ty khá phức tạp, sử dụng một số tài khoản trùng lặp như TK 632100, 632390...đã gây ra nhầm lẫn. Vì vậy, công ty nên chi tiết cho từng loại tài khoản để tránh gây nhầm lẫn. Việc hạch toán toàn bộ chi phí sản xuất trực tiếp vào tài khoản giá vốn khiến cho tài khoản này có một hệ thống tài khoản chi tiết khá phức tạp trong khi đó có nhiều tài khoản khác công ty vẫn chưa sử dụng.

Phương pháp hạch toán:

- Đối với hạch toán chi phí NVL trực tiếp: Công ty cần có nguồn nguyên liệu đầu vào tốt hơn nữa góp phần làm giảm thiểu chi phí nhằm hạ giá thành, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm.

- Đối với hạch toán chi phí nhân công trực tiếp: Công ty cần phản ánh đúng, đầy đủ và kịp thời các chi phí phát sinh như khoản chi phí KPCĐ cần trích đủ 2% tính vào chi phí để phản ánh những hao phí thực tế sản xuất ra sản phẩm.

- Đối với hạch toán chi phí SXC: Cần phản ánh kịp thời các chi phí điện, nước...dùng trong sản xuất để phản ánh chính xác chi phí thực tế sản xuất sản phẩm. Công ty nên áp dụng phương pháp khấu hao nhanh có điều chỉnh để giảm thiểu các rủi ro về hao mòn vô hình đối với các tài sản này.

- Kế toán chi phí sản phẩm sai hỏng: Công ty cần có biện pháp nhằm giảm bớt chi phí sản phẩm hỏng và nâng cao chất lượng sản phẩm.

3.3.6. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận**3.3.6.1. Phân tích điểm hòa vốn**

Phân tích điểm hòa vốn sẽ chỉ ra mức sản lượng đạt tối thiểu để bù đắp chi phí, từ đó có những giải pháp nhằm đạt một doanh số mà kinh doanh không bị lỗ. Ngoài ra, phân tích hòa vốn còn cung cấp thông tin có giá trị liên quan đến các cách ứng xử chi phí tại các mức tiêu thụ khác nhau. Đây là cơ sở để Công ty lập kế hoạch lợi nhuận và các kế hoạch khác trong ngắn hạn.

3.3.6.2. Lựa chọn phương án kinh doanh khi biến phí, giá bán và sản lượng thay đổi

Thị trường nguyên trên thế giới có nhiều biến động, giá các loại nguyên vật liệu nhập khẩu có xu hướng tăng, điều này làm ảnh

hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Bia Huế. Để quyết định có nên lựa chọn một phương án kinh doanh hay không, Công ty cần lập bảng phân tích điều chỉnh biến phí sản lượng và giá bán.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương này luận văn đã làm rõ được sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản trị chi phí và đưa ra định hướng hoàn thiện công tác quản trị chi phí tại Công ty Bia Huế.

Nội dung hoàn thiện gồm: Hoàn thiện công tác phân loại chi phí sản xuất, hoàn thiện công tác lập dự toán chi phí sản xuất, hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất, hoàn thiện phương pháp tính giá thành sản phẩm, phân tích biến động chi phí giữa thực tế và dự toán nhằm tăng cường kiểm soát chi phí và phân tích CVP ra quyết định kinh doanh.

KẾT LUẬN

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản KTQT chi phí và xác định nội dung KTQT chi phí. Đặt tiền đề lý luận đánh giá thực trạng KTQT chi phí cũng như việc kiểm soát đánh giá thực trạng công tác KTQT chi phí tại Công ty Bia Huế và đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

Nhìn chung, luận văn đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản, mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, KTQT còn mới mẻ đối với các DN Việt Nam, việc triển khai công tác KTQT chi phí chưa đồng bộ còn mang tính tự phát và kinh nghiệm. Các giải pháp được rút ra từ nghiên cứu lý luận, trong điều kiện sự phát triển không ngừng của lý luận và thực tế luôn có sự thay đổi, vì vậy sẽ còn nhiều vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện.